

## HỌ QUAO (BIGNONIACEAE Juss. 1789) TRONG HỆ THỰC VẬT NAM BỘ VIỆT NAM

Đặng Văn Sơn

Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, dvsonitb@yahoo.com.vn

**TÓM TẮT:** Một nghiên cứu về họ Quao (Bignoniaceae) được tiến hành ở Nam bộ, Việt Nam, đây là vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên cực Nam Trung bộ với đồng bằng Nam bộ kéo dài từ phía Nam của dãy Trường Sơn đến tận mũi của bán đảo Cà Mau, với tổng diện tích tự nhiên 63.487,85km<sup>2</sup>. Nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào điều tra thành phần loài, sinh thái học, phân bố và giá trị tài nguyên của các loài thuộc họ Quao. Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận ở vùng Nam bộ có 8 loài và 1 taxon dưới loài thuộc họ Quao. Trong đó, 3 loài *Millingtonia hortensis*, *Fernandoa adenophylla* và *Dolichandrone spathacea* có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN, 2010) và Sách Đỏ Việt Nam (2007); 2 loài *Radermachera hainanensis* và *Stereospermum neuranthum* được ghi nhận mới; và 2 loài *Stereospermum neuranthum* và *Fernandoa adenophylla* có vùng phân bố hẹp trong khu vực nghiên cứu. Các loài thuộc họ Quao được ghi nhận ở nhiều dạng sinh cảnh như: rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng tre nứa. Vùng phân bố của họ Quao tương đối rộng, trải dài từ vùng núi cao đến đồng bằng, ven biển; với độ cao lên đến 900 m. Đã ghi nhận được 11 vùng phân bố mới cho các loài thuộc họ thực vật này ở Nam bộ. Tất cả các loài thuộc họ Quao đều có giá trị sử dụng như làm thuốc, lấy gỗ, làm rau ăn, làm cảnh và cho bóng mát.

*Từ khóa:* Bignoniaceae, phân bố, sinh học, sinh thái học, Nam bộ.

### MỞ ĐẦU

Họ Quao (Bignoniaceae) là một trong những họ thực vật thuộc ngành Mộc lan (Magnoliophyta), với khoảng hơn 107 chi và 900 loài [12], phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Ở Việt Nam, họ Quao có khoảng 8 chi với 22 loài và 3 taxon dưới loài [10] phân bố rộng khắp từ Bắc vào Nam, từ vùng ven biển đến núi cao, trong đó, nhiều loài có giá trị làm thuốc, làm cảnh, cho gỗ, làm rau... Riêng vùng Nam bộ Việt Nam có 7 chi với 8 loài và 1 taxon dưới loài. Nghiên cứu này cung cấp những dẫn liệu về thành phần loài, sinh thái, phân bố và giá trị sử dụng của họ thực vật này ở vùng Nam bộ.

### PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Điều tra theo tuyến và thu mẫu ngoài thực địa, mỗi mẫu thu đều có đầy đủ các bộ phận và thông tin kèm theo để phục vụ nghiên cứu.

Xử lý mẫu trong phòng thí nghiệm và giám định tên thực vật. Sử dụng phương pháp hình thái so sánh để xác định tên thực vật trên cơ sở các tài liệu của Santisuk & Vidal (1985) [10],

Lecomte (1927) [8], Phạm Hoàng Hộ (2000) [5], Santisuk (1987) [11], Zhiyum & Santisuk (1998) [17]. So mẫu tiêu bản tại Bảo tàng thực vật (VNM) thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Phòng Tiêu bản thực vật (HN) thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật và Bảo tàng lịch sử tự nhiên Pháp (MNHN).

### KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### Đa dạng về thành phần loài

Qua các đợt khảo sát thực địa, đã ghi nhận cho vùng Nam bộ 8 loài và 1 taxon dưới loài thuộc 7 chi gồm *Oroxylum* (Núc nác), *Millingtonia* (Đạt phước), *Radermachera* (Rà đệt), *Stereospermum* (Quao), *Fernandoa* (Đình), *Markhamia* (Thiết đình) và *Dolichandrone* (Quao nước) thuộc họ Quao (Bignoniaceae).

#### Khóa phân loại

Khóa phân loại được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở công trình của Santisuk & Vidal (1985) [10], kết hợp với các đặc điểm khác biệt giữa các chi, loài của họ Quao (Bignoniaceae), thu được ở vùng Nam bộ.

**Khóa phân loại các loài thuộc họ Quao (Bignoniaceae) ở vùng Nam bộ**

- 1a. Lá kép lông chim 2-3 (4) lần; quả mở cắt vách hoặc mở ngăn, có 2 mảnh vỏ.....2
- 2a. Quả dài, dẹt, rộng 1,4 cm hoặc hơn; quả mở cắt vách; mảnh vỏ hóa gỗ, song song với vách.....3
- 3a. Cụm hoa dạng chùm dài ở ngọn, khỏe, chắc, tràng hoa rất dày, nạc, dạng chuông phình, có ống hình trụ, đáy rất ngắn; tiêu nhị 5, tất cả đều có khả năng sinh sản, vách dày, lá không có domaties.....1. *Oroxylum indicum*
- 3b. Cụm hoa dạng chùm xim trái ra ở ngọn, tràn hoa mỏng, không nạc, dạng chén, có ống ở đáy dài và hẹp; tiêu nhị 4, có 2 nhị dài hơi nhô ra; mặt dưới lá có domaties.....2. *Millingtonia hortensis*
- 2b. Quả dài, dạng hình trụ hẹp hoặc hơi dẹt, rộng không đến 1,4cm; mở ngăn; mảnh vỏ mỏng, hiếm khi hóa gỗ, vuông góc với vách; hạt được xếp thành nhiều hàng, dẹt, mỏng, bìa nguyên.....3. *Radermachera hainanensis*
- 1b. Lá kép lông chim 1 lần; quả mở ngăn, có 2 mảnh vỏ.....4
- 4a. Đài hoa đều hoặc không đều, có 2-5 thùy, hiếm khi chẻ ra thành bẹ cho tới phần trước của ống; quả có vách hình trụ hoặc dẹt, hiếm khi dạng chữ thập.....5
- 5a. Vách hình trụ, sinh bản, quả dài, dạng dải hẹp, rộng 0,5-2 cm, thường vắn, cong.....6
- 6a. Đài dạng chuông, có ống hình trụ ngắn ở phía đáy, ít nhiều cong ở phía trên, thùy có 2 môi; chỉ nhị có lông, hiếm khi nhẵn ở đáy; hoa nở ban ngày.....7
- 7a. Cụm hoa dạng chùm hình xim dài 6-15 cm; đài hoa có dạng hình cầu nằm bên trong nụ hoa; thùy nhẵn; lá chét có lông cứng ở hai mặt, đầu lá lệch, đuôi lá nhọn.....4. *Stereospermum neuranthum*
- 7b. Cụm hoa dạng chùy xòe ra, dài 12-42 cm; đài dạng hình trứng hoặc hình elip trong nụ hoa, thùy có lông, lá chét không lông, đầu lá đối xứng, ít khi lệch, đuôi lá nhọn có mũi .....5. *Stereospermum colais*
- 6b. Đài hoa dạng ống, có ống hình trụ, mảnh ở phía đáy, loe ra ở phía trên dạng phễu hay dạng chuông, thẳng, thùy không có 2 môi; chỉ nhị nhẵn ở đáy; hoa nở ban đêm; lá chét gần nhọn tới tù, có lông tơ mịn màu trắng nhạt hay xám nhạt ở phía dưới.....6. *Stereospermum cylindricum*
- 5b. Vách rộng, dẹt hoặc dạng chữ thập, cứng; quả hình trụ có 10 cạnh, từ thẳng tới hơi cong hoặc vắn, đạt tới 8cm chiều rộng; trên quả phủ đầy lông ri sắt, thường có đài hoa tồn lưu.....7. *Fernandoa adenophylla*
- 4b. Đài hình dạng bẹ rõ nét, mở ra từ đáy cho đến hết phần trên của ống, quả có vách luôn luôn hình chữ thập.....8
- 8a. Tràng hoa rất dày, nạc, vàng nhạt tới nâu đỏ, dạng chuông phình, ống có đáy hình trụ rất ngắn thụt vào trong đài; phiến có hai môi rất rõ; quả phủ lông tơ ngắn thưa hoặc nhẵn, có tuyến sản sùi cao chen sát nhau; thường có một cặp lá kèm giả.....8. *Markhamia stipulata* var. *pierrei*
- 8b. Tràng hoa mỏng, không nạc, trắng, hình phễu, phần dưới của ống hình trụ dài, mảnh; phiến gần đều, có 5 thùy tròn gần bằng nhau; quả nhẵn, thường láng, không có lá kèm giả; hạt dày có bản, kê cả hai bên cánh.....9. *Dolichandrone spathacea*

**1. *Oroxylum indicum* (L.) Kurz - Núc nác**

*Synonyms:* *Bignonia indica* L., *B. pentandra* Lour., *Spathodea india* (L.) Pers., *Calosanthes indica* (L.) Blume.

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson161, 162, 163, 164, 165 và 166 được thu tại VQG Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và Núi Dinh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Mô tả:* Cây gỗ, nhánh có đốt và thót lại ở các mấu. Lá kép lông chim lẻ 2-3(4) lần; lá chét nhiều, bìa nguyên, dạng hình trứng, không lông, cấu trúc mỏng, kích thước trung bình từ 7-11 cm × 3-5 cm; gân lá có dạng lông chim, từ 5-7 cặp, mọc lệch nhau. Cụm hoa dạng chùm ở ngọn hay đầu cành, có kích thước lớn từ 40-60 cm, trên một chùm có từ 10-16 hoa. Hoa to màu đỏ sẫm, kích thước từ 9-14 cm; cuống hoa tròn

dài từ 2-4 cm, hoa nở về đêm. Đài hình chuông rộng, cụt hoặc chia thùy không đều, tồn tại trên quả. Tràng rất dày, nạc, hình chuông hơi phình bụng, có ống ở gốc hình trụ ngắn, thùy 5, xoắn. Nhị 5, thụt trong ống tràng, tất cả có khả năng sinh sản, bao phấn có 2 ô song song. Đĩa mật hình chén. Bầu dài, không lông, chứa nhiều noãn xếp thành nhiều dãy trong mỗi ô. Quả dài, dẹp, dạng lưỡi kiếm nhọn hai đầu, kích thước trung bình từ 70-95 cm × 4-7 cm, không lông, mở vách, van song song với vách. Hạt nhiều, mỏng, dạng đĩa, màu trắng, kích thước trung bình từ 8-10 cm × 3-4 cm, có cánh.

*Sinh học:* Mùa hoa thường vào tháng 3-7, mùa quả thường vào tháng 8-11, có khi vẫn thấy hoa quả quanh năm. Hoa nở về đêm, thụ phấn nhờ dơi hoặc côn trùng. Các quả già vẫn ở trên cây khá lâu vào mùa khô khi cây rụng hết lá.

*Sinh thái:* Núc nác là loài cây gỗ mọc nhanh, tái sinh mạnh, thường thấy ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau từ rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng tre nửa đên các trảng, đất sau nương rẫy và dọc theo các bờ suối. Cây ưa mọc trên những nền đất tơi xốp (đất thịt), màu mỡ, có tầng đất mặt sâu, dễ thấm nước.

*Phân bố:* Trên thế giới, Núc nác phân bố ở vùng nhiệt đới châu Á. Ở Việt Nam, loài này phân bố ở Vĩnh Phúc, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, đến Nam bộ [4, 15].

Ở Nam bộ, loài này được tìm thấy ở 9 nơi là Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Bình Châu - Phước Bửu và Rừng phòng hộ (RPH) Núi Dinh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; RPH Cù Chi, tp. Hồ Chí Minh; RPH Tân Phú và Vườn quốc gia (VQG) Cát Tiên, Đồng Nai; VQG Bù Gia Mập, Bình Phước; VQG Lò Gò - Xa Mát và Núi Bà Đen, Tây Ninh và Núi Cô Tô, An Giang. Cây được trồng ở vườn nhà làm giá thể cho cây hồ tiêu leo (gặp ở Bình Phước, Bình Dương và Đồng Nai).

## 2. *Millingtonia hortensis* L.f. - Đọt phước, Hà tan, Trâm bạc

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 8 mẫu của 6 số hiệu là dvson179, 180, 181, 182, 183 và 184 được thu tại Núi Sam, tỉnh An Giang và Cù Chi, tp. Hồ Chí Minh.

*Mô tả:* Cây gỗ, cao 6-24 m. Lá kép lông

chim 2-3 lần, dài 30-70 cm, cuống lá dạng hình tròn, lá thường rụng vào mùa khô. Lá chét hình trứng xoan, dài từ 3-4,5 cm, rộng từ 2-2,5 cm, chóp lá nhọn, gốc lá tròn, mép nguyên hay có răng không đều; cấu trúc lá mỏng, láng, mềm, không lông; gân lá lệch, số lượng 3-5 cặp. Cụm hoa hình chùm xim ở đỉnh cành, dài 10-40 cm. Lá bắc nhỏ và sớm rụng. Đài hình chuông, cao 2-4 mm, cụt hay có 5 thùy nhỏ, cong lật ra phía ngoài, tồn tại ở giai đoạn quả. Tràng màu trắng dạng chén, có ống ở đáy, cao 6-10 cm, có lông tuyến bên trong, 5 thùy tạo thành hai môi gồm môi trên 2 thùy, môi dưới 3 thùy. Tiểu nhị 4 cái, 2 dài, 2 ngắn, hơi thò ra khỏi ống tràng. Bầu hình trụ nón, nhẵn. Quả nang dài 15-40 cm, rộng 1,4-2 cm. Hạt có cánh mỏng, dài 1,4-3,5 cm, rộng 1-1,6 cm.

*Sinh học:* Mùa hoa từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, quả tháng 2-4, thụ phấn nhờ chim, côn trùng. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Đạt phước được ghi nhận ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau, từ rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, ven suối hay đất sau nương rẫy; trên nền đất ẩm tơi xốp và cả nền đất đá; với nhiệt độ trung bình năm dao động từ 27,1-27,2°C và lượng mưa từ 1.296,7-1.931,0 mm; ở độ cao lên đến 600 m, nhưng thường phổ biến từ 100-300 m.

*Phân bố:* Trên thế giới, phân bố ở Ấn Độ, Trung Quốc, Lào và Campuchia, Thái Lan. Ở Việt Nam, loài này chỉ gặp ở các tỉnh phía nam như Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Hồ Chí Minh và An Giang [4, 15].

Ở Nam bộ, loài này chỉ ghi nhận ở 2 nơi là Núi Sam, An Giang và Cù Chi, tp. Hồ Chí Minh, ngoài ra còn gặp trồng phổ biến ở vườn nhà (ở Châu Đốc, An Giang và Cù Chi, Hồ Chí Minh) và vườn sưu tập (Thảo cầm viên Sài Gòn) để làm cảnh, lấy bóng mát hay bảo tồn nguồn gen. Hiện nay, loài này ngoài tự nhiên còn rất ít, chỉ gặp rải rác một vài cá thể, nguyên nhân có thể là do nạn phá rừng và khai thác gỗ quá mức. Trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), loài này được xếp vào danh mục các loài cần được bảo tồn ở cấp độ sẽ nguy cấp (VU).

## 3. *Radermachera hainanensis* Merr. - Rà đệt, Rọc rạch Hải Nam, Xê xo

*Synonyms:* *R. pierrei* Dop, *R. grandiflora* Dop, *R. poilanei* Dop.

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson155, 156, 157, 158, 159 và 160 được thu tại VQG Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và Núi Dinh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Mô tả:* Cây gỗ, cao 10-22 m. Lá kép lông chim 2(3) lần lẻ, dài 56-62 cm, cuống có dạng hình tròn. Lá chét có dạng hình trứng thon, số lượng 2-7, kích thước dài 8-10 cm, rộng 3-4,5 cm, thường không cân, nhọn thành đuôi ở đầu, nhọn hay thon ở gốc, không lông, cuống lá chét 1-1,3 cm; cấu trúc lá mỏng, mềm, gân có dạng lông chim lệch với 5-7 đôi. Cụm hoa dạng chùm ở đầu cành hay ở ngọn, dài 10-12 cm, thường từ 1-5 hoa trên một chùm, kích thước hoa từ 2,5-2,8 cm. Cuống hoa dài từ 0,5-1 cm, dài xoan bầu dục rồi hình chuông, dài 1,6-1,9 cm; tràng hoa màu vàng hay vàng cam, có ống hình trụ hẹp ở gốc, phía trên loe hình chuông, dài 5-6 cm; có 5 thùy không đều; tiểu nhị 4 thụt trong ống tràng, dài 3-3,5 cm, có 2 nhị dài, 2 nhị ngắn. Quả hình trụ vắn, dài 30-36 cm, rộng 5-8 mm, có mụn nhỏ. Hạt có màu trắng đục hay vàng cam, kích thước từ 1,4-1,5 cm × 0,1-0,2 cm, kể cả cánh.

*Sinh học:* Cây ra hoa từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau, quả tháng 4-7, thụ phấn nhờ côn trùng. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Rà đẹt được tìm thấy ở dạng sinh cảnh rừng thường xanh hay ven suối; trên nền đất ẩm và cả trên nền đất đá có phủ tầng thảm mục dày; với nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26,2-27°C và lượng mưa từ 1.369,0-2.469,2 mm; phổ biến ở độ cao từ 300-600 m.

*Phân bố:* Trên thế giới, phân bố ở Thái Lan, Trung Quốc, Campuchia, Lào. Ở Việt Nam, gặp ở Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa và Ninh Thuận [15, 10], đặc biệt là trong những chuyến thực địa ở khu vực lân cận vùng nghiên cứu chúng tôi còn tìm thấy loài này có ở KBTTN Tà Kóu, Bình Thuận.

Ở Nam bộ, lần đầu tiên ghi nhận có sự hiện diện của loài này, gặp ở 2 nơi là Núi Dinh, Bà Rịa - Vũng Tàu và VQG Bù Gia Mập, Bình Phước. Loài này thường mọc tập trung thành quần thể lớn với 15-20 cá thể, phân bố chủ yếu ở sườn đồi và ven những dòng suối chảy bắt

nguồn từ rừng sâu.

#### 4. *Stereospermum neuranthum* Kurz - Khé núi, Quao

*Synonyms:* *S. wallichii* C.B.Clarke, *S. Grandiflorum* Cubitt & W. Smith, *Radermachera wallichii* (C.B.Clarke) Chatterjee.

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson167, 168, 169, 170, 171 và 172 được thu tại KBTTN Bình Châu - Phước Bửu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Mô tả:* Cây gỗ, cùng gốc, cao từ 12-24 m. Lá kép lông chim 1 lần, thường rụng lâu mùa khô, dài từ 45-55 cm; lá chét có dạng hình trứng xoan, có đuôi, số lượng lá chét từ 9-13, dài từ 8-18 cm, rộng 5-7,5 cm, mặt dưới có lông dày, cứng, mặt trên có lông thưa màu xám hay vàng lúc non, kích thước cuống lá chét từ 0,5-1 cm; cấu trúc lá chét thô, nạc; gân lá chét có dạng lông chim, lệch, với 7-9 cặp. Chùm tụ tán, ở đầu cành hay ở ngọn, dài 35-45 cm, số lượng hoa trên một chùm từ 4-7 cái; hoa nở ban ngày, trắng, thơm; tràng hình ống ở gốc, loe rộng ở trên, dài 4-12 cm; đài hoa có dạng hình cầu, cao 1 cm, không có sọc, vành có lông mặt ngoài; tiểu nhị 4, 2 dài, 2 ngắn, thụt trong ống tràng, đáy chỉ nhị có lông. Quả dạng hình trụ vắn, có 4 cạnh, dài 60-80 cm, rộng 0,5-1 cm. Hạt có hai cánh, dài 2-3 cm, rộng 0,5-0,8 cm.

*Sinh học:* Cây ra hoa tháng 1-6, quả tháng 7-11, thụ phấn nhờ côn trùng. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Khé núi thường gặp ở dạng sinh cảnh rừng nửa rụng lá, đất sau nương rẫy và ven suối; trên nền đất cát ẩm hay khô; với nhiệt độ trung bình năm 27°C và lượng mưa 1.369 mm; ở độ cao từ 70-120 m, nhưng theo Phạm Hoàng Hộ (2000) [5] thì loài này có thể gặp ở độ cao 1.200 m.

*Phân bố:* Trên thế giới, loài này phân bố ở Mianma, Campuchia, Lào và Thái Lan. Ở Việt Nam, gặp ở Thừa Thiên - Huế, Khánh Hòa và Ninh Thuận [15, 10].

Ở Nam bộ, lần đầu tiên ghi nhận loài này, gặp duy nhất ở một nơi là KBTTN Bình Châu - Phước Bửu, Bà Rịa - Vũng Tàu. Loài này thường phân bố ở những vùng đất pha cát, thấp

và tương đối bằng phẳng. Tuy nhiên, hiện nay ngoài tự nhiên số lượng cá thể còn rất ít, nguyên nhân có thể do nạn phá rừng, khai thác gỗ hay chuyển đất rừng thành đất sản xuất nông nghiệp làm cho số lượng cũng như môi sống của chúng bị suy giảm nghiêm trọng. Đây là loài có vùng phân bố hẹp, nếu như không có biện pháp bảo vệ hợp lý thì trong tương lai loài này sẽ có thể mất đi.

**5. *Stereospermum colais* (Dillwyn) Mabb. - Quao núi, Khé trụ, Tài Mót**

*Synonyms:* *S. personatum* (Hassk.) Chatterjee, *S. tetragonum* DC., *S. chelonoides* L., *Bignonia colais* Buch.-Ham. ex Dillwyn, *B. chelonoides* L., *Dipterosperma personatum* Hassk.

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson149, 150, 151, 152, 153 và 154 được thu tại VQG Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và Núi Cô Tô, tỉnh An Giang.

*Mô tả:* Cây gỗ lớn, cùng gốc, cao 25-34 m, đường kính tới 90 cm. Lá kép lông chim 1 lần, dài 25-38 cm; lá chét hình bầu dục thuôn, dài 8-14 cm, rộng 4-4,6 cm, nhọn thành đuôi ở đầu, cuống lá chét dài 1-1,6 cm, không lông, gân bên 5-8 đôi, lệch, lồi ở mặt dưới, có màu vàng cam. Cụm hoa dạng chùy xòe ra, dài 12-42 cm; đài hoa dạng hình trứng hay hình elip trong nụ hoa, cao 5-7 mm; tràng hoa màu trắng vàng vàng, ống cao 1,5-2,5 cm, môi trên 2 thùy, môi dưới 3 thùy, tiểu nhị 4. Quả dạng hình trụ vắn, có 4 góc, dài 84-100 cm, rộng 0,9-2,6 cm, có 4 cạnh đứng, cong, hóa gỗ nhiều hay ít. Hạt có màu trắng, dài 2-3 cm, rộng 0,4-0,8 cm kể cả cánh bên.

*Sinh học:* Cây ra hoa từ tháng 3 đến tháng 8, quả từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Quao núi được tìm thấy ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau từ rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng tre nửa đến các vùng đất sau nương rẫy và ven suối; trên nền đất ẩm tới xốp, đất đá có tầng thảm mục dày và trên cả đất pha cát; nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26,2-27,2°C và lượng mưa từ 1.296,7-2.469,2 mm; phổ biến ở độ cao từ 300-600 m, theo Võ Văn Chi (2004) [4] thì loài này phân bố đến 1.000 m.

*Phân bố:* Trên thế giới, loài này phân bố ở Xri Lanca, Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, Lào và Campuchia. Ở Việt Nam, loài này gặp ở Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Bình Phước (Bù Đốp), Đồng Nai (Gia Rây), tp Hồ Chí Minh (Sài Gòn) và An Giang (Núi Cấm) [4, 15]. Trong các đợt thực địa chúng tôi còn ghi nhận loài này có ở KBTTN Tà Kóu, Bình Thuận.

Ở Nam bộ, loài này được ghi nhận ở 3 nơi là RPH Tân Phú, Đồng Nai; núi Cô Tô, An Giang và VQG Bù Gia Mập, Bình Phước. Đáng chú ý là theo Võ Văn Chi (2004) [4], loài quao núi còn được ghi nhận có ở tp. Hồ Chí Minh, nhưng trong những chuyến khảo sát của chúng tôi thì không tìm thấy loài này.

**6. *Stereospermum cylindricum* Pierre ex Dop - Quao vàng, Ké hoa trắng, Quao**

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson143, 144, 145, 146, 147 và 148 được thu tại Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

*Mô tả:* Cây gỗ, cao 25 m, đường kính đến 120 cm. Lá kép lông chim 1 lần, dài 26-32 cm; có 5-7 lá chét, cuống dài 0,4-0,6 cm có lông, kích thước lá chét dài 8-14 cm, rộng 5,5-7,5 cm, có dạng hình bầu dục hay bầu dục nhọn có chóp, mặt trên có lông mềm, mặt dưới có lông mịn dày; cấu trúc lá dày, mềm, mịn, gân có dạng lông chim, có 5-9 đôi, lệch. Cụm hoa dạng chùm ở đầu cành hay ở ngọn, dài 40-48 cm, có 5-8 hoa trên một chùm; kích thước hoa từ 10-14 cm, cuống hoa dài 2-2,5 cm; đài hoa dạng ống, dài 2-2,5 cm, mảnh ở phía đáy, loe ở phía trên dạng phễu hay dạng chuông, thẳng, chia làm 2 thùy; tràng hình chuông với các thùy có răng, dài 4-10 cm, chia làm 5 thùy, có lông mịn ở ngoài; tiểu nhị 4, 2 dài, 2 ngắn, thụt vào bên trong tràng; chỉ nhị nhẵn ở đáy; hoa nở vào ban đêm. Quả dạng hình trụ vắn có 4 cạnh, thấp, dài 40-46 cm, cuống quả dài 2-3 cm. Hạt có cánh mỏng, màu trắng, dài 1,5-2,5 cm, rộng 1-1,5 cm.

*Sinh học:* Cây ra hoa từ tháng 5 đến tháng 9, có quả từ tháng 7 đến tháng 4 năm sau. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Quao vàng thường gặp ở dạng sinh cảnh rừng nửa rụng lá, ít gặp ở rừng thường xanh; trên nền đất pha cát hay đất thịt;

với nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26,2-27,2°C và lượng mưa từ 1.296,7-2.469,2 mm; độ cao trung bình từ 100-300 m, theo Phạm Hoàng Hộ (2000) [5], loài này có thể phân bố lên đến 800 m.

**Phân bố:** Trên thế giới, loài này phân bố ở Thái Lan và Campuchia. Ở Việt Nam, loài này gặp ở Khánh Hòa, Đắk Lắk, Ninh Thuận và An Giang (Ta Bec) [15, 10]. Trong các đợt thực địa chúng tôi còn ghi nhận loài này có ở KBTTN Tà Kóu, Bình Thuận và VQG Núi Chúa, Ninh Thuận.

Ở Nam bộ, loài này được ghi nhận ở 3 nơi là RPH Núi Sam, An Giang; RPH Tân Phú, Đồng Nai và VQG Bù Gia Mập, Bình Phước. Như vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi ghi nhận thêm hai vùng phân bố mới của loài này ở Nam bộ là RPH Tân Phú và VQG Bù Gia Mập.

#### **7. *Fernandoa adenophylla* (Wall. ex G. Don) Steenis - Đinh lá tuyến, Ngọt nai**

**Synonyms:** *Bignonia adenophylla* Wall. ex G. Don., *Haplophragma adenophyllum* (Wall. ex G. Don) Dop, *Spathodea adenophylla* (Wall. ex G. Don.) DC.

**Mẫu vật nghiên cứu:** Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson173, 174, 175, 176, 177 và 178 được thu tại núi Sam và núi Cô Tô, tỉnh An Giang.

**Mô tả:** cây gỗ, cùng gốc, cao đến 22 m, cành non có lông dày màu vàng sét. Lá kép lông chim một lần, đối, lẻ, dài 65-90 cm, thường mang 5-7 lá chét; lá chét có dạng hình bầu dục, to, gần như không cuống, dài đến 47 cm, rộng đến 27 cm, mép nguyên, mặt dưới có lông nhiều, mặt trên ít hơn, màu vàng sét, có một vài tuyến lõm; gân lá chét từ 7-9 cặp, lệch. Cụm hoa hình chùm thưa ở đỉnh cành dài 16-28 cm, rộng 25-30 cm, có lông dày, sắc; trên một cụm hoa có rất nhiều hoa. Hoa màu vàng nhạt, dài 4-8 cm. Đài hình chuông cao 2-4 cm, có lông mịn ở phía ngoài, 5 thùy gần bằng nhau. Tràng dạng hình phễu, thót ở dưới, loe rộng ở phía trên, 5 thùy. Nhị 4, không thò ra khỏi tràng. Quả dạng hình trụ vắn, nhiều lông, dài 55-65 cm, rộng 1-3 cm, có đến 10 sóng dẹp. Hạt có màu vàng cam lúc khô, dài 2-3,5 cm, rộng 0,6-1 cm, cánh mỏng.

**Sinh học:** mùa ra hoa tháng 4-8, mùa quả tháng 9-2 năm sau, thụ phấn nhờ côn trùng. Cây tái sinh bằng hạt.

**Sinh thái:** Đinh lá tuyến được tìm thấy ở các dạng sinh cảnh rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, trảng và kê cả các vùng đất sau nương rẫy; trên nền đất ẩm hay đất đá; với nhiệt độ trung bình năm 27,2°C và lượng mưa 1.296,7 mm; thường gặp ở độ cao từ 200-500 m, theo Võ Văn Chi (2004) [4], loài này gặp ở độ cao lên đến 800 m.

**Phân bố:** Trên thế giới, loài này phân bố ở Ấn Độ, Bangladesh, Thái Lan, Mianma, Malaysia và Lào. Ở Việt Nam, loài này gặp ở Quảng Trị, Ninh Thuận và An Giang [15, 10].

Ở Nam bộ, loài đinh lá tuyến được ghi nhận có ở 2 nơi là núi Sam và núi Cô Tô, An Giang. Đây là loài phân bố hẹp, nhưng số lượng cá thể nhiều và tái sinh rất nhanh ngoài tự nhiên. Tuy nhiên, loài này chỉ sinh sống và phát triển được ở một số vùng có địa hình, khí hậu và thổ nhưỡng nhất định; vùng phân bố của chúng đang ngày càng bị thu hẹp do nạn phá rừng, khai thác gỗ và chuyển mục đích sử dụng đất rừng thành đất canh tác.

#### **8. *Markhamia stipulata* var. *pierrei* (Dop) Santisuk - Thiết đỉnh lá bẹ, Sò đo**

**Synonyms:** *M. indica* P. H. Hộ, *M. pierrei* Dop, *Spathodea stipulata* Wall., *S. velutina* Kurz, *Bignonia stipulata* (Wall.) Roxb., *B. indica* L., *Dolichandrone stipulata* (Wall.) C. B. Clarke.

**Mẫu vật nghiên cứu:** Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson137, 138, 139, 140, 141 và 142 được thu tại VQG Lò Gò - Xa Mát, tỉnh Tây Ninh và VQG Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai.

**Mô tả:** cây gỗ, cùng gốc, cao đến 25 m, các phần non có lông mềm, màu xám vàng hay màu hung. Lá kép lông chim 1 lần, đối, lẻ, dài 45-65 cm, với 11-13 lá chét; lá chét có dạng hình trứng, dài 26-34 cm, rộng 10-14 cm, không lông; cấu trúc lá chét mỏng, không lông, gân lá 6-13 cặp, lệch. Cụm hoa dạng chùm ở ngọn hay đầu cành, có lông mịn màu xám vàng hay hung, dài 30-40 cm, mang 10-18 hoa. Đài hoa có lông mịn rải rác, sau khi hoa nở thì nhẵn; tràng hoa rất dày, nạc, màu vàng nhạt đến nâu đỏ, dạng

hình chuông phình, dài 8-12 cm, có 5 thùy; tiểu nhị 4, 2 dài, 2 ngắn, thụt trong tràng. Quả đẹp, dài 60-70 cm, rộng 2-4 cm, thẳng hay hơi cong, có tuyến như mọt chen sát nhau. Hạt màu trắng, có cánh mỏng, dài 7-10 cm, rộng 2,5-4 cm.

*Sinh học:* Cây phổ biến ở những vùng đất cao, hơi khô; ra hoa từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, quả từ tháng 2 đến tháng 11. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Thiết đỉnh lá bẹ được tìm thấy ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau từ rừng thường xanh, rừng nửa rụng lá, rừng tre nửa đến các trảng, ven suối và đất sau nương rẫy; trên nền đất ẩm tối xốp, đất cát và đất đá có phủ thảm mục; với nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26,2-27,2°C và lượng mưa từ 1.296,7-2.469,2 mm; ở độ cao từ 100-600 m, theo Võ Văn Chi (2004) [4] thì loài này phân bố ở độ cao đến 800 m.

*Phân bố:* Trên thế giới phân bố ở Thái Lan, và Campuchia. Ở Việt Nam, loài này gặp ở Đắk Lắk, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận, tp Hồ Chí Minh, Bình Phước, Tây Ninh, Bạc Liêu, Cà Mau [4, 15, 10].

Ở Nam bộ, loài này ghi nhận có ở 10 nơi là Núi Dinh và KBTTN Bình Châu - Phước Bửu, Bà Rịa - Vũng Tàu; RPH Tân Phú và VQG Cát Tiên, Đồng Nai; VQG Bù Gia Mập, Bình Phước; VQG Lò Gò - Xa Mát và Núi Bà Đen, Tây Ninh; Củ Chi, tp Hồ Chí Minh; núi Sam và núi Cô Tô, An Giang. Đáng chú ý là theo các tài liệu trước đây thì loài thiết đỉnh lá bẹ có phân bố ở Cà Mau nhưng trong những chuyến khảo sát của chúng tôi thì không tìm thấy loài này.

### 9. *Dolichandrone spathacea* (L. f.) Seem. - Quao nước

*Synonyms:* *D. rheedii* Seemann, *D. longissima* (Lour.) Schumann, *Bignonia spathacea* L., *B. longissima* Lour., *Spathodea longiflora* Vent., *S. rheedii* Spreng.

*Mẫu vật nghiên cứu:* Gồm 12 mẫu của 6 số hiệu là dvson130, 131, 132, 133, 134 và 135 được thu tại VQG Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau và Cần Giờ, tp. Hồ Chí Minh.

*Mô tả:* Cây gỗ, cùng gốc, cao đến 20 m. Lá kép lông chim 1 lần, đôi, lẻ, dài 30-55 cm, thường có 7-11 lá chét. Lá chét có dạng hình

trứng thon, dài 9-18 cm, rộng 4-7 cm, nhẵn cả 2 mặt, không lông, màu đen khi khô; gân lá 7-9 cặp, lệch. Cụm hoa dạng chùm ở đầu cành hay ở ngọn, dài 20-35 cm, mang 5-8 hoa. Hoa màu trắng, có mùi thơm, dài 17-20 cm. Đài hoa có hình dạng bẹ rõ nét, mở theo một đường thành mo, dài 4,5-6 cm, sớm rụng. Tràng hoa mỏng, không nạc, màu trắng, hình phễu, dài 15-18 cm, có 5 thùy cong, gần bằng nhau. Tiểu nhị 4, 2 dài, 2 ngắn, thụt vào trong ống tràng. Quả nhẵn, thường láng, không có lá kèm giả, khô tự mở, dài 29-40 cm, rộng 1,5-2,5 cm. Hạt có màu trắng đục, dẹt, dài 1,3-2 cm, rộng 0,7-0,9 cm, có cánh.

*Sinh học:* mùa hoa từ tháng 4-7, quả tháng 8 đến tháng 2 năm sau. Cây tái sinh bằng hạt.

*Sinh thái:* Quao nước được tìm thấy ở dạng sinh cảnh rừng thường xanh, mà đặc biệt là sau rừng sú vẹt và dọc các cửa sông, kênh rạch có nước thủy triều hay nước lợ; trên nền đất bùn được phủ lớp phù sa màu mỡ, hay đất phèn; với nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26,7-27,1°C và lượng mưa từ 1.931,0-2.343,5°C. Lá tồn tại quanh năm, hoa nở vào lúc bình minh và rụng trước khi mặt trời mọc, thụ phấn nhờ loài bướm có vòi dài ăn đêm. Khi cây bị chặt thì phần gốc còn lại có khả năng tái sinh cây chồi.

*Phân bố:* Trên thế giới, phân bố ở Ấn Độ, Caledoni, Campuchia, Malaysia và Indonesia. Ở Việt Nam, loài này gặp ở Quảng Ninh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Đồng Nai, tp Hồ Chí Minh và Long An (Rạch Cát) [4, 15].

Ở Nam bộ, loài quao nước gặp rất phổ biến, đặc biệt là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong các địa điểm nghiên cứu loài này được ghi nhận ở hai nơi là Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ, tp. Hồ Chí Minh và VQG Mũi Cà Mau, Cà Mau.

### Đa dạng về giá trị tài nguyên

#### Giá trị sử dụng

Cho đến nay qua kinh nghiệm dân gian, qua nghiên cứu và ứng dụng của ngành dược và qua các tài liệu về điều tra tài nguyên thực vật [3, 4, 6, 7, 10, 13...], các loài thuộc họ Quao được biết đến và được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau như: lấy gỗ, làm thuốc chữa bệnh, làm cảnh và cho bóng mát, làm rau ăn, phủ xanh đất trống đồi trọc... Ở Nam bộ, giá trị sử dụng của

các loài trong họ Quao khá đa dạng và phong phú.

*Oroxylum indicum* (Núc nác): Cây được trồng làm giá đỡ cho tiêu, trâu; làm cảnh và cho bóng mát. Gỗ được dùng làm diêm, nguyên liệu giấy sợi và làm củi. Lá, hoa, quả non đều ăn được. Vỏ được dùng chữa các chứng bệnh vàng da, dị ứng mẩn ngứa, viêm họng, ho khan tiếng, đau dạ dày, ỉa, viêm đường tiết niệu, ban, sởi ở trẻ em; ngày dùng 8-16 g dưới dạng thuốc sắc hoặc cao lỏng. Hạt chữa ho lâu ngày, viêm khí quản, đau dạ dày, đau bụng, vết loét không liền miệng.

*Millingtonia hortensis* (Đạt phước): Cây được trồng làm cảnh ở nhiều nơi. Gỗ có thể đóng đồ dùng. Vỏ thân và gỗ dùng trong y học dân gian làm thuốc trị ghê.

*Radermachera hainanensis* (Rà đệt): Cây có hoa đẹp và thơm có thể trồng làm cảnh và cho bóng mát. Gỗ tốt, dùng trong xây dựng, đóng đồ gia dụng.

*Stereospermum neuranthum* (Khé núi): Cây cho gỗ tốt, dùng trong xây dựng, đóng đồ gia dụng.

*Stereospermum colais* (Quao núi): Cây có hoa đẹp, trồng làm cảnh. Dịch lá phối hợp với dịch chanh dùng trong các trường hợp thần kinh. Hoa và quả được dùng trị bò cạp đốt. Rễ, lá và hoa được dùng trị sốt; vỏ thân làm thuốc bổ, lợi tiểu.

*Stereospermum cylindricum* (Quao vàng):

Cây cho gỗ lớn, thẳng, dùng đóng đồ gia dụng. Rễ, lá và hoa cũng được dùng trị sốt, ỉa và ỉa chảy.

*Fernandoa adenophylla* (Đình lá tuyền): Cây được trồng để phục hồi rừng trên đất thoái hóa sau nương rẫy và trồng để giữ đất ở các sườn dốc. Gỗ tốt, không bị mối mọt, dùng trong xây dựng. Hoa dùng làm rau ăn. Vỏ làm thuốc.

*Markhamia stipulata* var. *pierrei* (Thiết đình lá bẹ): Cây được trồng làm cảnh và cho bóng mát; gỗ trắng nhẹ, không bị mối mọt, dùng trong xây dựng thông thường, đóng đồ gia dụng, làm gỗ trụ mỏ.

*Dolichandrone spathacea* (Quao nước): Cây cho gỗ dùng trong xây dựng nhỏ, đóng đồ gia dụng, đồng thời còn tham gia cố định các bãi cát bùn sau thảm cây sú vẹt ở ven biển, cửa sông. Quao nước được dùng làm thuốc nhuận gan, trừ ho, điều trị sỏi thận, thường phối hợp với các vị thuốc khác; vỏ phối hợp với ô rô nước nấu thành cao lỏng uống giải độc.

#### Giá trị về nguồn gen quý hiếm

Để có biện pháp bảo vệ các loài, việc quan trọng là đánh giá các mức độ đe dọa cũng rất quan trọng, từ đó có chính sách ưu tiên và bảo vệ hợp lý. Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [11] ở vùng nghiên cứu có 2 loài (chiếm 22,2% tổng số loài có ở Nam bộ) nằm trong danh mục các loài cần được bảo tồn là *Millingtonia hortensis* (Đạt phước) và *Fernandoa adenophylla* (Đình lá tuyền) đều xếp ở thứ hạng VU (sẽ nguy cấp).

Bảng 1. Các loài thực vật quý hiếm ở vùng nghiên cứu

| STT | Tên thực vật                                 | SĐVN (96) | SĐVN (07) |
|-----|--|-----------|-----------|
| 1   | <i>Millingtonia hortensis</i> - Đạt phước    | R         | VU        |
| 2   | <i>Fernandoa adenophylla</i> - Đình lá tuyền | K         | VU        |

Bảng 1 cho thấy, cả 2 loài đạt phước và đình lá tuyền đều được đưa vào danh mục các loài cần được bảo tồn trong Sách Đỏ Việt Nam (1996) [2] ở thứ hạng là hiếm hay có thể sẽ nguy cấp (R) và biết không chính xác (K), nhưng trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) thì loài Đình lá tuyền được đưa lên ngang thứ hạng với loài Đạt phước (VU), điều này có thể do đây là loài có vùng phân bố hẹp chỉ có mặt ở một vài nơi ở Việt Nam nhưng lại bị chia cắt về mặt

không gian, đồng thời là đối tượng bị khai thác gỗ nên số cá thể trưởng thành ngày càng bị suy giảm nghiêm trọng.

#### Thảo luận

Có thể nói, thành phần loài thuộc họ Quao ở vùng Nam bộ tương đối đa dạng, với 8 loài và 1 taxon dưới loài chiếm 36% tổng số loài hiện có ở Việt Nam (22 loài và 3 taxon dưới loài) và 31,03% tổng số loài ở Đông Dương (26 loài và



3 taxon dưới loài). Đặc điểm phân biệt giữa các loài cũng khá rõ ràng, có thể chia làm hai nhóm nhận dạng nhanh ngoài thực địa gồm: 1) nhóm lá kép lông chim 2-3(4) lần, nhóm này có 3 loài là *Oroxylum indicum* (Núc nác) hoa màu đỏ sẫm, tiêu nhị 5 và quả hình kiềng to; loài *Millingtonia hortensis* (Đạt phước) hoa màu trắng và quả dẹt rộng 1,4 cm hoặc hơn; loài *Radermachera hainanensis* (Rà dẹt) tràng hoa màu vàng hay vàng cam, quả hình trụ rộng không đến 1,4 cm; 2) nhóm lá kép lông chim 1 lần, nhóm này có 6 loài là *Stereospermum neuranthum* (Khé núi) đài hoa dạng chuông, cụm hoa dạng chùm hình xim, lá có lông cứng; loài *Stereospermum colais* (Quao núi) đài hoa dạng chuông, cụm hoa dạng chùy xò ra, lá không lông, quả to có bốn cạnh cao; loài *Stereospermum cylindricum* (Quao vàng) đài hoa dạng ống, lá có lông tơ mịn màu trắng nhạt; loài *Fernandoa adenophylla* (Đỉnh lá tuyến) hoa màu vàng lợt, quả có 10 cạnh phủ đầy lông ri sắt và đài hoa còn tồn tại trên quả; loài *Markhamia stipulata* var. *pierrei* (Thiết đỉnh lá bẹ) hoa màu vàng nhạt đến nâu đỏ, quả có mụn sần sùi và có một cặp lá kèm giả; loài *Dolichandrone spathacea* (Quao nước) đài hoa có dạng bẹ, tràng hoa mỏng, quả nhẵn, không có lá kèm giả.

Các loài thuộc họ Quao được tìm thấy ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau, từ rừng thường xanh đến các trảng, kể cả cửa sông và đất bồi ven biển; trong nhiều loại thổ nhưỡng, không chỉ là đất thịt màu mỡ, đất cát, đất đá mà còn cả trên nền đất phèn và đất bùn nhiễm mặn; biên độ nhiệt trung bình năm dao động từ 26,2-27°C và lượng mưa từ 1.369-2.469,2 mm [5], với độ cao từ ngang mực nước biển đến 900 m (trong nghiên cứu này) và có thể lên đến 1.500 m. Trong đó, có 3 loài được tìm thấy ở nhiều dạng sinh cảnh nhất là loài *Oroxylum indicum* (Núc nác), loài *Stereospermum colais* (Quao núi) và loài *Markhamia stipulata* var. *pierrei* (Thiết đỉnh lá bẹ) và 1 loài chỉ thấy có ở rừng ngập mặn vùng cửa sông, ven biển mà ở đó điều kiện thổ nhưỡng là đất phèn hay đất bùn nhiễm mặn là loài *Dolichandrone spathacea* (Quao nước).

Vùng phân bố của họ Quao tương đối rộng, trải dài từ đồi núi cao đến đồng bằng, ven biển. Đã ghi nhận được 11 vùng phân bố mới cho họ

thực vật này là KDTSQ Cần Giờ (Quao nước), RPH Củ Chi (Đạt phước), KBTTN Bình Châu - Phước Bửu (Khé núi), Núi Dinh (Rà dẹt), VQG Cát Tiên (Thiết đỉnh lá bẹ), RPH Tân Phú (Quao vàng), VQG Bù Gia Mập (Rà dẹt và Quao vàng), VQG Lò Gò - Xa Mát (Thiết đỉnh lá bẹ), Núi Bà Đen (Thiết đỉnh lá bẹ), Núi Cô Tô (Quao núi), VQG Mũi Cà Mau (Quao nước) và đồng thời bổ sung cho hệ thực vật Nam bộ 2 loài mà từ trước đến nay chưa được ghi nhận là *Radermachera hainanensis* (Rà dẹt) và *Stereospermum neuranthum* (Khé núi). Theo những nghiên cứu đã công bố thì 2 loài này chỉ được tìm thấy ở khu vực miền Trung kéo dài đến các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận nhưng trong nghiên cứu này chúng tôi đã phát hiện chúng có hiện diện ở vùng Nam bộ, trong đó loài *Radermachera hainanensis* (Rà dẹt) được tìm thấy ở hai nơi là Núi Dinh (Bà Rịa - Vũng Tàu) và VQG Bù Gia Mập (Bình Phước) còn loài *Stereospermum neuranthum* (Khé núi) được tìm thấy duy nhất ở một nơi là KBTTN Bình Châu - Phước Bửu (Bà Rịa - Vũng Tàu).

#### KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 8 loài và 1 taxon dưới loài thuộc họ Quao (Bignoniaceae) có ở vùng Nam bộ. Trong đó, có 2 loài được ghi nhận mới cho vùng này là *Radermachera hainanensis* (Rà dẹt) và *Stereospermum neuranthum* (Khé núi).

Các loài thuộc họ Quao được ghi nhận ở nhiều sinh cảnh khác nhau từ rừng thường xanh đến các trảng, kể cả cửa sông và đất bồi ven biển và trong nhiều loại thổ nhưỡng như đất thịt, đất cát, đất đá, đất phèn và đất bùn nhiễm mặn, với độ cao lên đến 900 m.

Đã ghi nhận được 11 vùng phân bố mới cho họ Quao ở Nam bộ gồm: KDTSQ Cần Giờ và RPH Củ Chi (TP. Hồ Chí Minh), KBTTN Bình Châu - Phước Bửu và Núi Dinh (Bà Rịa - Vũng Tàu), VQG Cát Tiên và RPH Tân Phú (Đồng Nai), VQG Bù Gia Mập (Bình Phước), VQG Lò Gò - Xa Mát và Núi Bà Đen (Tây Ninh), Núi Cô Tô (An Giang), VQG Mũi Cà Mau (Cà Mau). Có 2 loài (*Stereospermum neuranthum* và *Fernandoa adenophylla*) có vùng phân bố hẹp.

Các loài thuộc họ Quao ở Nam bộ đều có giá trị sử dụng như làm thuốc, lấy gỗ, làm rau

ăn, làm cảnh và cho bóng mát, phủ xanh đất trống đồi trọc... trong đó, có 2 loài (*Millingtonia hortensis* và *Fernandoa adenophylla*) có giá trị bảo tồn theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [1].

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam. Phần II - Thực Vật. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, 1996. Sách Đỏ Việt Nam. Phần Thực Vật. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nxb. Y học.
4. Võ Văn Chi, 2004. Từ điển thực vật thông dụng, tập 2. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, tập 3. Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
6. Trần Hợp, 2002. Tài nguyên cây gỗ Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Đỗ Tất Lợi, 2009. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nxb. Y học - Nxb. Thời đại.
8. Lecomte M. H., 1927. Flore Générale de l'Indochine. Tome IV, Paris.
9. Pételot A., 1936. Les plantes medicinales du Cambodge, du Laos et du Vietnam. Tome V.
10. Santisuk T. & Vidal J. E., 1985. Flore du Cambodge du Laos et du Vietnam. Vol. 22, Paris.
11. Santisuk T., 1987. Flora of Thailand. Vol. 5, Bangkok.
12. Thái Văn Trùng, 1998. Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
13. Nguyễn Khanh Vân, Nguyễn Thị Hiền, Phan Kế Lộc, Nguyễn Tiến Hiệp, 2000. Các biểu đồ sinh khí hậu Việt Nam. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
14. Viện dược liệu, 2006. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 2. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
15. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học quốc gia Hà Nội, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
16. Zjhra M. L., 2006. New taxa of Coleeae (Bignoniaceae) from Madagascar. I. A collection from Masoala Peninsula - Ann. Bot. Fennici., 43: 225-239.
17. Zhiyum Z. & Santisuk T., 1998. Flora of China. Vol. 18.

## BIGNONIACEAE Juss. 1789 FAMILY IN FLORA OF SOUTHERN VIET NAM

Dang Van Son

Institute of Tropical Biology, VAST

### SUMMARY

A study on the family Bignoniaceae was conducted in Southern Vietnam, which extends from South of Truong Son range to the end of the Ca Mau peninsula; the total area is 63.487,85 square kilometres. In this study, we focused on systematics, ecology, distribution and value of the species belonging to the Bignoniaceae. Eight species and one variety of the family Bignoniaceae were found, of those, three species, *Millingtonia hortensis*, *Fernandoa adenophylla* and *Dolichandrone spathacea*, are listed in the red list of IUCN (2010) and Vietnamese red data book (2007) and two species, namely, *Radermachera hainanensis* and *Stereospermum neuranthum* were newly recorded, while two species, *Stereospermum neuranthum* and *Fernandoa adenophylla* are restricted range species in study area. All species of the Bignoniaceae were found in different habitats, such as, evergreen forest, semi-deciduous forest, bamboo forest, etc. Most of these are widespread species, distributed in elevation up to 900 metres and in different terrain, such as, littoral, lowland

and high mountain. In addition, eleven new localities of species were also recorded, and all species of the family Bignoniaceae are recorded as medicinal plants, wood plants, ornamental plants, edible plants, etc.

*Keywords:* Bignoniaceae, biology and ecology, distribution, systematics, southern Vietnam.

*Ngày nhận bài:* 21-6-2012